CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Văn Chiến	Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Thái	Thành viên	
Ông Đỗ Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên	
Ông Lê Xuân Khôi	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Thái	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Khải	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ 01/10/2016
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0100105140-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Hoàng Văn Thái
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-4) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-4) 6278 2905

Số: 61/2017/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà 12

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/3/2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thành viên độc lập của GMN International

Vấn đề cần nhấn mạnh

Thuyết minh số 38 diễn giải thông tin về sự nghi ngờ về hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2015-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Tạ Thị Việt Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1445-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**192.720.502.611**	**193.532.395.337**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4.457.268.769**	**1.117.788.615**
1. Tiền	111	5	4.457.268.769	1.117.788.615
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.955.404.500**	**4.337.877.500**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.1	5.241.078.364	5.241.078.364
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.2	(2.285.673.864)	(903.200.864)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**128.730.890.338**	**129.829.706.028**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.447.674.270	64.545.369.883
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.762.031.450	10.583.776.742
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	69.826.229.520	69.071.606.036
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.596.127.656)	(14.662.127.656)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	291.082.754	291.081.023
IV. Hàng tồn kho	**140**		**54.865.473.345**	**51.709.801.849**
1. Hàng tồn kho	141	12	55.646.621.128	52.691.485.648
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	12	(781.147.783)	(981.683.799)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.711.465.659**	**6.537.221.345**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	51.238.003	85.760.644
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.660.227.656	6.451.460.701
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**87.754.062.844**	**97.284.007.888**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**62.551.576.042**	**69.961.150.618**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	62.551.576.042	69.961.150.618
II. Tài sản cố định	**220**		**9.239.478.740**	**12.112.082.650**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	8.629.649.055	5.082.092.501
- Nguyên giá	*222*		*28.975.847.433*	*23.681.955.869*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(20.346.198.378)*	*(18.599.863.368)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	-	6.381.538.848
- Nguyên giá	*225*		-	*10.685.299.943*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	*(4.303.761.095)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	609.829.685	648.451.301
- Nguyên giá	*228*		*999.709.888*	*999.709.888*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(389.880.203)*	*(351.258.587)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**14.901.026.465**	**14.901.026.465**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.3	7.080.000.000	7.080.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.3	11.397.500.000	11.397.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.4	(3.576.473.535)	(3.576.473.535)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.061.981.597**	**309.748.155**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	1.061.981.597	309.748.155
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**280.474.565.455**	**290.816.403.225**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**277.824.723.071**	**288.435.342.580**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**206.279.996.190**	**216.786.055.699**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	58.279.940.009	48.848.371.963
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.513.032.366	28.461.665.434
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	28.321.130.322	33.308.114.914
4. Phải trả người lao động	314		9.613.374.418	9.780.307.646
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	9.595.997.904	11.657.620.577
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.1	57.665.235.319	69.478.412.306
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	19.291.285.852	15.251.562.859
II. Nợ dài hạn	**330**		**71.544.726.881**	**71.649.286.881**
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.2	71.544.726.881	71.649.286.881
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.649.842.384**	**2.381.060.645**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	23	**2.649.842.384**	**2.381.060.645**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	15.777.278.787	15.777.278.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23.a	(63.127.436.403)	(63.396.218.142)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(63.396.218.142)*	*(15.202.286.469)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*268.781.739*	*(48.193.931.673)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**280.474.565.455**	**290.816.403.225**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hải	Hoàng Văn Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2016

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**85.306.638.073**	**49.520.474.531**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	**24**	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**24**	**85.306.638.073**	**49.520.474.531**
4. Giá vốn hàng bán	11	**25**	79.367.836.447	73.728.503.866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**5.938.801.626**	**(24.208.029.335)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**26**	255.173.377	4.230.498.409
7. Chi phí tài chính	22	**27**	5.625.057.214	7.407.850.649
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*4.242.584.214*	*7.010.803.815*
8. Chi phí bán hàng	25		-	21.120.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**28**	7.514.959.958	18.002.998.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(6.946.042.169)**	**(45.409.500.080)**
11. Thu nhập khác	31	**29**	10.464.803.506	917.359.362
12. Chi phí khác	32	**30**	1.296.060.558	3.701.790.955
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**9.168.742.948**	**(2.784.431.593)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**2.222.700.779**	**(48.193.931.673)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**31**	1.953.919.040	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**268.781.739**	**(48.193.931.673)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**54**	**(9.639)**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hải	Hoàng Văn Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		***2.222.700.779***	***(48.193.931.673)***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	**14,15,16**	2.634.423.236	2.941.375.339
- Các khoản dự phòng	03		1.115.936.984	1.152.713.129
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.255.083.612)	(4.728.909.978)
- Chi phí lãi vay	06	**27**	4.242.584.214	7.010.803.815
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***(39.438.399)***	***(41.817.949.368)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.991.952.332	57.779.220.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.955.135.480)	13.471.554.551
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.422.500.337)	(17.584.052.774)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(717.710.801)	655.082.720
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	108.885.627
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.424.345.419)	(6.026.125.304)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.545.190.638	35.791.560
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.576.731.401)	(151.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(9.598.718.867)***	***6.471.107.134***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71.000.000)	(91.808.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.803.390.824	511.818.182
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	995.496.564
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		166.085.204	1.726.385.522
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8.898.476.028**	**3.141.892.086**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	**22**	20.618.947.984	2.625.997.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	**22**	(16.579.224.991)	(12.317.069.972)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.422.776.236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***4.039.722.993***	***(11.113.849.208)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**3.339.480.154**	**(1.500.849.988)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**1.117.788.615**	**2.618.638.603**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**5**	4.457.268.769	1.117.788.615

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2016.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hải	Hoàng Văn Thái